

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13/01/2021.

Về việc “*Tranh chấp ly hôn và con chung*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Biều

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông D Minh Ngọc

Bà Phan Thị Thanh Dung

Thư ký Tòa án: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 260/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 V/v: “*Ly hôn và tranh chấp con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1994; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình D, sinh năm: 1984; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà S và ông Nguyễn Đình D đăng ký kết hôn từ năm 2016 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật; trong quá trình chung sống vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; vợ chồng không đồng quan điểm, vợ chồng bà thường xuyên gây gổ, không có tiếng nói chung; bà S và ông D đã tự ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm hiện nay không còn nên bà yêu cầu Tòa án xem xét cho bà S được ly hôn ông D.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng bà S và ông D có con

chung là Nguyễn Đình T, sinh ngày 19/12/2016. Bà yêu cầu Tòa án giao con chung cho bà được nuôi dưỡng, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đình D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con chung đến đủ 18 tuổi trưởng thành;

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không có;

Bị đơn ông Nguyễn Đình D trình bày: Ông D và bà Nguyễn Thị S đăng ký kết hôn từ năm 2016 là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật; vợ chồng ông đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; nhiều lần vợ chồng hòa giải để về chung sống cùng nhau nhưng vẫn không được. Nay bà S yêu cầu Tòa án xem xét cho chúng tôi được ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng chúng tôi có con chung là Nguyễn Đình T, sinh ngày 19/12/2016. Yêu cầu Tòa án giao con chung Nguyễn Đình T, sinh ngày 19/12/2016 cho tôi nuôi dưỡng. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung; trong trường hợp Tòa án giao cho bà S nuôi dưỡng thì tôi thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con chung đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đình D. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Đình T, sinh ngày 19/12/2016 cho bà Nguyễn Thị S nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Đình D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con chung đến đủ 18 tuổi trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Đình D hiện trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy việc khởi kiện của bà S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đình D tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, hôn nhân của bà S và ông D là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì giữa bà S và ông D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà S là do ông D không quan tâm vợ, con nên tình cảm vợ chồng không còn; vợ chồng bà đã tự ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà S và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự thống nhất thỏa thuận ly hôn nên Hội đồng xét xử nên xét chấp nhận công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đình D là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giữa bà S và ông D có con chung là Nguyễn Đình T, sinh ngày 19/12/2016. Hội đồng xét xử xét việc nuôi con phải phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng. Hiện nay cháu T đang ở với bà S, đang học tập tại trường mẫu giáo B (nơi ở hiện nay của bà S) bà S có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Tùng nên xét giao cho bà Nguyễn Thị S tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 19/12/2016 đến đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Buộc ông Nguyễn Đình D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu Tùng đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Đình D phải chịu án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với bị đơn ông Nguyễn Đình D.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đình D.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Đình T, sinh ngày 19/12/2016 cho bà Nguyễn Thị S nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành. Buộc ông Nguyễn Đình D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con chung đến đủ 18 tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 02/2021

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đình D mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm của bà Nguyễn Thị S được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà S đã nộp tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0004957 ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị S 150.000đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Nguyễn Đình D phải chịu 300.000đồng án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng KTNV và THAHS TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

TRƯỞNG VĂN BIỂU

